TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99/2025/QĐST-HNGĐ	*TP . T, ngày 03 tháng 01 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 120/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024. Về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Trịnh Thị H, sinh năm: 1989.
- Anh Lê Văn H1, sinh năm: 1981.

Cùng ĐKHKTT: Số nhà A Đ, phường B, thành phố T, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh T vào năm 2023. Do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nên anh chị đã thống nhất thuận tình ly hôn theo Quyết định số 79/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T. Sau khi ly hôn được sự động viên của hai bên gia đình và thương con nên anh chị quyết định quay lại chung sống với nhau và đăng ký kết hôn lại. Tuy nhiên sau đó vợ chồng vẫn thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay, chị H và anh H1 đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H, anh H1 thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thỏa thuận của anh chị về việc thuận tình ly hôn là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 (hai) con chung là Lê Huỳnh Nhật M, sinh ngày 16/02/2026 và Lê Bảo V, sinh ngày 25/8/2023. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu M cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy việc thỏa thuận của anh, chị về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của anh, chị.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Chị H và anh H1 thỏa thuận chị H chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm, xét đây là sự tự nguyện của anh chị nên chấp nhận.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Lê Văn H1.

- Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 (hai) con chung là Lê Huỳnh Nhật M, sinh ngày 16/02/2026 và Lê Bảo V, sinh ngày 25/8/2023. Ly hôn, giao cháu M cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị H, anh H1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hồng chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố T theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0002015 ngày 05/12/2024, chị H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP . T;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP . T;
- UBND P. B, TP. T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Linh